

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

đã được kiểm toán



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng	5 - 30
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0303000149 ngày 18 tháng 3 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại số 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Bà Âu Thiên Hương	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Ủy viên

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đại Lâm	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Lâm



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2014-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Duong, phường Duong Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		34.230.167.940	20.105.641.453
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		332.675.215	57.979.149
1.	Tiền	111	V.01	332.675.215	57.979.149
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.938.415.272	14.825.333.313
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	31.645.424.893	15.912.741.134
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		380.398.200	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	-	250.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	5.714.747.251	5.464.747.251
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(6.802.155.072)	(6.802.155.072)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	917.019.826	3.053.643.918
1.	Hàng tồn kho	141		1.863.796.842	7.507.086.845
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(946.777.016)	(4.453.442.927)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.042.057.627	2.168.685.073
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.042.057.627	2.168.685.073
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.270.384.304	21.750.825.476
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		1.085.771.789	1.222.685.122
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	1.085.771.789	1.222.685.122
	- Nguyên giá	222		6.336.709.455	6.336.709.455
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.250.937.666)	(5.114.024.333)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	26.171.958.707	20.464.870.546
1.	Đầu tư vào công ty con	251		61.592.142.632	55.781.142.632
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(35.420.183.925)	(35.316.272.086)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		12.653.808	63.269.808
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	12.653.808	63.269.808
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		61.500.552.244	41.856.466.929

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		29.504.186.457	13.602.886.772
I.	Nợ ngắn hạn	310		29.404.186.457	13.502.886.772
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	28.887.909.902	12.949.662.217
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		61.500.000	61.500.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	30.123.097	29.548.097
4.	Phải trả người lao động	314		52.629.000	42.732.000
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	50.000.000
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	31.500.000	30.000.000
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	127.541.577	126.461.577
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		212.982.881	212.982.881
II.	Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.12	100.000.000	100.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		31.996.365.787	28.253.580.157
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	31.996.365.787	28.253.580.157
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.000.000.000	111.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		91.000.000.000	91.000.000.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		11.718.534.049	11.718.534.049
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(181.722.168.262)	(185.464.953.892)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(185.464.953.892)	(147.971.413.531)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.742.785.630	(37.493.540.361)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		61.500.552.244	41.856.466.929

Người lập biểu



Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ánh Tuyết



Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	61.052.723.517	46.335.519.915
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		61.052.723.517	46.335.519.915
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	56.689.042.885	46.955.890.505
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.363.680.632	(620.370.590)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.413.979	6.185.468
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	103.911.839	34.831.586.804
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	518.397.142	1.013.820.435
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.742.785.630	(36.459.592.361)
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	-	1.033.948.000
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(1.033.948.000)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.742.785.630	(37.493.540.361)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.742.785.630	(37.493.540.361)

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Đại Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		3.742.785.630	(37.493.540.361)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		136.913.333	139.157.436
-	Các khoản dự phòng	03		(3.402.754.072)	32.085.717.591
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.413.979)	(6.185.468)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		475.530.912	(5.274.850.802)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.236.454.513)	(12.650.330.565)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.643.290.003	7.187.690.536
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		15.901.299.685	10.457.883.085
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		50.616.000	50.616.000
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		5.834.282.087	(228.991.746)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(250.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		250.000.000	350.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.811.000.000)	(20.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.413.979	6.185.468
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(5.559.586.021)	86.185.468

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THẮNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		274.696.066	(142.806.278)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		57.979.149	200.785.427
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		332.675.215	57.979.149

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Nguyễn Đại Lâm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Kinh doanh các loại cáp, vật liệu viễn thông, các loại cáp vật liệu điện dân dụng;
- Kinh doanh nguyên liệu sơn.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có Công ty con là:

<i>Tên Công ty con</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

03. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	8 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

08. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Duong, phường Duong Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	9.707.143	3.385.543
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	322.968.072	54.593.606
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	332.675.215	57.979.149

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG THẮNG LONG

La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm						
	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% lợi ích	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con			61.592.142.632	(35.420.183.925)	26.171.958.707			55.781.142.632	(35.316.272.086)	20.464.870.54
+ Công ty Cổ phần Hùng tiến Kim Sơn (a)	70,47	70,47	61.592.142.632	(35.420.183.925)	26.171.958.707	58,43	58,43	55.781.142.632	(35.316.272.086)	20.464.870.54
Cộng			61.592.142.632	(35.420.183.925)	26.171.958.707			55.781.142.632	(35.316.272.086)	20.464.870.54

Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư:

(a) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn tăng do trong năm Công ty mua thêm 583.100 cổ phiếu với giá mua 5.811.000.000 đồng.

Thông tin chi tiết về các Công ty con tại ngày 31/12/2017 như sau:

Tên Công ty con	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư	Giá trị vốn góp theo mệnh giá	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	48.265.200.000	34.013.120.000	Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi và kinh doanh bất động sản

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định theo giá trị ghi sổ do không có cơ sở để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	31.645.424.893	15.912.741.134
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	5.626.719.362	5.626.719.362
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	24.353.530.880	8.620.847.121
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.665.174.651	1.665.174.651
Cộng	31.645.424.893	15.912.741.134

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	30.116.342.927	14.383.659.168
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	5.626.719.362	5.626.719.362
- Công ty Cổ phần Alphanam E&C	24.353.530.880	8.620.847.121
- Công ty Liên doanh Fujii – Alpha	-	-
- Công ty CP Công trình giao thông Momota - 118	10.760.420	10.760.420
- Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn	125.332.265	125.332.265
Cộng	30.116.342.927	14.383.659.168

04. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Tư vấn thiết kế Salvador Perez Arroiyó và Cộng sự	-	250.000.000
Cộng	-	250.000.000

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn khác	5.714.747.251	(5.384.434.305)	5.464.747.251	(5.384.434.305)
- Tạm ứng	250.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	5.464.747.251	(5.384.434.305)	5.464.747.251	(5.384.434.305)
+ Công ty CP Bao bì và DV Sam Thịnh	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Công ty CP Nhựa Sam Phú	262.878.059	(262.878.059)	262.878.059	(262.878.059)
+ Công ty CP Cáp và Vật Liệu Viễn thông Sacom	2.103.024.479	(2.103.024.479)	2.103.024.479	(2.103.024.479)
+ Công ty CP Vật liệu Điện và VT Sam Cường	525.756.120	(525.756.120)	525.756.120	(525.756.120)
+ Bà Nguyễn Thị Dung	200.000.000	(200.000.000)	200.000.000	(200.000.000)
+ Các khoản phải thu khác	1.847.332.473	(1.767.019.527)	1.847.332.473	(1.767.019.527)
Cộng	5.714.747.251	(5.384.434.305)	5.464.747.251	(5.384.434.305)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty CP sản xuất và dịch vụ Viễn thông Vina	621.939.611	-	621.939.611	-
- Công ty Cp Cấp và Vật Liệu Viễn thông Sacom	2.103.024.479	-	2.103.024.479	-
- Công ty CP nhựa Sam Phú	262.878.059	-	262.878.059	-
- Công ty Cổ Phần Vật liệu Điện và VT Sam Cường	525.756.120	-	525.756.120	-
- Công ty CP bao bì & DV Sam Thịnh	525.756.120	-	525.756.120	-
- Các đối tượng khác	2.762.800.683	-	2.762.800.683	-
Cộng	6.802.155.072	-	6.802.155.072	-

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	804.823.028	(804.823.028)	804.823.028	(804.823.028)
- Công cụ, dụng cụ	141.953.988	(141.953.988)	141.953.988	(141.953.988)
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
- Hàng hoá	917.019.826	-	6.560.309.829	(3.506.665.911)
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	1.863.796.842	(946.777.016)	7.507.086.845	(4.453.442.927)

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THẮNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	3.254.391.410	2.963.603.455	118.714.590	6.336.709.455
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	3.254.391.410	2.963.603.455	118.714.590	6.336.709.455
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	2.038.443.897	2.956.865.846	118.714.590	5.114.024.333
- Khấu hao trong năm	130.175.724	6.737.609	-	136.913.333
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	2.168.619.621	2.963.603.455	118.714.590	5.250.937.666
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	1.215.947.513	6.737.609	-	1.222.685.122
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	1.085.771.789	-	-	1.085.771.789

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.082.318.045 đồng.

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>b. Chi phí trả trước dài hạn</i>	12.653.808	63.269.808
- Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	12.653.808	63.269.808
Cộng	<u>12.653.808</u>	<u>63.269.808</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG THẮNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Trường Phú	28.887.909.902	6.602.940.888	12.949.662.217	2.081.842.680
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	1.220.008.140	1.220.008.140	1.220.008.140	1.220.008.140
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	4.521.098.208	4.521.098.208	5.621.098.208	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	22.284.969.014	-	-	-
	861.834.540	861.834.540	6.108.555.869	861.834.540
Cộng	28.887.909.902	6.602.940.888	12.949.662.217	2.081.842.680

b) Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn	4.521.098.208	4.521.098.208	5.621.098.208	5.621.098.208
- Công ty CP Alphanam E&C	-	-	129.031.194	129.031.194
Cộng	4.521.098.208	4.521.098.208	5.750.129.402	5.750.129.402

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải nộp cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế thu nhập cá nhân	29.548.097	-	29.548.097	-	12.750.000	-	12.750.000	30.123.097
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000	-
Cộng	29.548.097	-	29.548.097	-	15.750.000	-	15.750.000	30.123.097

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải trả ngắn hạn khác	127.541.577	126.461.577
- Kinh phí công đoàn	31.800.071	30.720.071
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	95.741.506	95.741.506
+ Cổ tức phải trả	55.651.330	55.651.330
+ Các đối tượng khác	40.090.176	40.090.176
b. Phải trả dài hạn khác	100.000.000	100.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	100.000.000	100.000.000
Cộng	227.541.577	226.461.577

13. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Ngắn hạn	31.500.000	30.000.000
- Doanh thu nhận trước về cho thuê nhà xưởng	31.500.000	30.000.000
Cộng	31.500.000	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(147.971.413.531)	65.747.120.518
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	(37.493.540.361)	(37.493.540.361)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(185.464.953.892)	28.253.580.157
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	3.742.785.630	3.742.785.630
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	111.000.000.000	91.000.000.000	11.718.534.049	(181.722.168.262)	31.996.365.787

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ %	Số tiền	Tỷ lệ %
- Vốn góp của các đối tượng khác	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100
Cộng	111.000.000.000	100	111.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	111.000.000.000	111.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	111.000.000.000	111.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.100.000	11.100.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.100.000	11.100.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.100.000</i>	<i>11.100.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng	59.755.570.877	45.117.464.235
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.297.152.640	1.218.055.680
Cộng	61.052.723.517	46.335.519.915

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Doanh thu đối với các bên liên quan		
Đối tượng	Năm nay	Năm trước
- Công ty CP Đầu tư Alphanam		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	31.123.675.000	36.671.545.020
- Công ty Liên doanh Fuji – Alpha		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	-	95.473.500
- Công ty CP Alphanam E&C		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	26.081.777.366	8.078.042.837
Cộng	57.205.452.366	44.845.061.357
02. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	59.554.910.823	49.569.630.089
- Chi phí kinh doanh bất động sản	640.797.973	613.455.416
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.506.665.911)	(3.227.195.000)
Cộng	56.689.042.885	46.955.890.505
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.413.979	6.185.468
Cộng	1.413.979	6.185.468
04. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	103.911.839	34.831.586.804
Cộng	103.911.839	34.831.586.804
05. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
- Tiền thuê đất từ năm 2008 đến năm 2015	-	1.033.068.000
- Các khoản chi phí khác	-	880.000
Cộng	-	1.033.948.000
06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	518.397.142	1.013.820.435
- Chi phí nhân viên quản lý	316.884.000	267.053.000
- Thuế, phí và lệ phí	7.004.695	5.549.118
- Chi phí dự phòng	-	481.325.787
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.008.181	12.168.082
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	191.500.266	247.724.448
Cộng	518.397.142	1.013.820.435

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	316.884.000	267.053.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	136.913.333	139.157.436
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.660.821	29.795.582
- Chi phí khác bằng tiền	510.736.961	709.944.046
- Chi phí dự phòng	-	481.325.787
Cộng	1.159.195.115	1.627.275.851

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	303.457.000	252.000.000
Cộng	303.457.000	252.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Hùng Tiến Kim Sơn
 Công ty CP Công trình giao thông 118 – MOMOTA
 Công ty CP Địa Ốc Momota
 Công ty CP Đầu tư Alphanam

Công ty CP Địa Ốc Alphanam
 Công ty CP Alphanam E&C
 Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên
 Công ty CP Xây dựng - Tự động hóa và truyền thông
 Vinacon

Mối quan hệ

Là Công ty con
 Công ty con gián tiếp
 Công ty con gián tiếp
 Là cổ đông chiếm 9,91% vốn thực
 góp
 Công ty trong cùng hệ thống
 Công ty trong cùng hệ thống
 Công ty trong cùng hệ thống
 Công ty trong cùng hệ thống

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên doanh Fuji – Alpha		
Mua hàng	2.548.219.780	-
Công ty CP Alphanam E&C		
Thuê văn phòng	156.401.448	156.401.448
Mua hàng	7.927.037.000	
Công ty CP Đầu tư Minh Nguyên		
Mua hàng	-	5.110.089.280

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03 và V.10, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm (VND)	Số đầu năm (VND)
Công ty CP Xây dựng - Tự động hóa và truyền thông Vinacon		
+ Phải thu khác	60.277.000	60.277.000
Cộng nợ phải thu	60.277.000	60.277.000

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: cho thuê nhà xưởng;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG THẮNG LONG

La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Kinh doanh bất động sản	Đầu tư tài chính	Cộng
Năm nay				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	59.755.570.877	1.297.152.640	-	61.052.723.517
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	56.554.244.027	651.782.021	103.911.839	57.309.937.887
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	3.201.326.850	645.370.619	(103.911.839)	3.742.785.630
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	187.529.333	-	187.529.333
Số cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	33.209.160.255	1.786.758.067	26.171.958.707	61.167.877.029
- Tài sản không phân bổ				332.675.215
Tổng tài sản	33.209.160.255	1.786.758.067	26.171.958.707	61.500.552.244
- Nợ phải trả bộ phận	29.142.346.078	148.857.498	-	29.291.203.576
- Nợ phải trả không phân bổ				212.982.881
Tổng nợ phải trả	29.142.346.078	148.857.498	-	29.504.186.457

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆN THÔNG THẮNG LONG
 La Duong, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Thương mại	Kinh doanh bất động sản	Dầu tư tài chính	Đơn vị tính: VND
				Cộng
Năm trước				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	45.117.464.235	1.218.055.680	-	46.335.519.915
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	47.323.581.619	639.943.853	34.831.586.804	82.795.112.276
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(2.206.117.384)	578.111.827	(34.831.586.804)	(36.459.592.361)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	189.773.436	-	189.773.436
Số cuối năm trước				
- Tài sản thực tiếp của bộ phận	19.419.106.642	1.664.510.592	20.464.870.546	41.548.487.780
- Tài sản không phân bổ				307.979.149
Tổng tài sản	19.419.106.642	1.664.510.592	20.464.870.546	41.856.466.929
- Nợ phải trả bộ phận	13.037.913.700	351.990.191	-	13.389.903.891
- Nợ phải trả không phân bổ				212.982.881
Tổng nợ phải trả	13.037.913.700	351.990.191	-	13.602.886.772

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chi diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIÊN THÔNG THẮNG LONG
 La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	332.675.215	57.979.149	332.675.215	57.979.149
Phải thu khách hàng và phải thu khác	37.110.172.144	21.377.488.385	30.308.017.072	14.575.333.313
Phải thu về cho vay	-	250.000.000	-	250.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	37.442.847.359	(6.802.155.072)	30.640.692.287	14.883.312.462

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	28.887.909.902	12.949.662.217	28.887.909.902	12.949.662.217
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	50.000.000	-	50.000.000
Các khoản phải trả khác	95.741.506	95.741.506	95.741.506	95.741.506
Cộng	28.983.651.408	13.095.403.723	28.983.651.408	13.095.403.723

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	28.887.909.902	-		28.887.909.902
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-		-
Các khoản phải trả khác	95.741.506	-		95.741.506
Cộng	28.983.651.408	-	-	28.983.651.408
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	12.949.662.217	-		12.949.662.217
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	50.000.000	-		50.000.000
Các khoản phải trả khác	95.741.506	-		95.741.506
Cộng	13.095.403.723	-	-	13.095.403.723

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG THĂNG LONG

La Dương, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ánh Tuyết

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đại Lâm